

CÔNG TY TNHH MTV T - THAI



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của CƠ SỞ CHẾ BIẾN DA CÁ CHIÊN
VÀ CÁ TRÍCH SẤY KHÔ**

Châu Thành, Tháng 10 năm 2024

CÔNG TY TNHH MTV T - THAI



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của CƠ SỞ CHẾ BIẾN DA CÁ CHIÊN
VÀ CÁ TRÍCH SẤY KHÔ**

**CHỦ DỰ ÁN
CÔNG TY TNHH MTV T - THAI**



NGUYỄN THỊ THÚY DIỆP

Châu Thành, Tháng 10 năm 2024

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	II
DANH MỤC CÁC HÌNH	III
DANH MỤC CÁC BẢNG	IV
CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	1
1. Tên chủ cơ sở	1
2. Tên cơ sở.....	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....	1
CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	5
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	5
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải môi trường.....	5
CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	6
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:	6
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	12
3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	13
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	13
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	14
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	14
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác	15
CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	17
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	17
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	18
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:.....	18
CHƯƠNG V: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	19
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải	19
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải.....	19
3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo.....	19
CHƯƠNG VI: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	20
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	20
2. Chương trình quan trắc chất thải	20
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm	21
CHƯƠNG VII: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....	22
CHƯƠNG VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	23
PHỤ LỤC	24

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
NĐ-CP	Nghị định chính phủ
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QĐ	Quyết định
QH	Quốc hội
TT-BTNMT	Thông tư – Bộ Tài nguyên và Môi trường
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1 Quy trình sản xuất da cá chiên tại cơ sở.	1
Hình 2 Quy trình sản xuất cá trích sấy khô tại cơ sở.	2
Hình 3 Quy trình hệ thống thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn.....	6
Hình 4 Quy trình hệ thống thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.....	7
Hình 5 Quy trình thu gom và xử lý nước thải của cơ sở.....	8
Hình 6 Quy trình hệ thống xử lý nước thải	9

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1 Nhu cầu nguyên liệu ước lượng sử dụng tại cơ sở	3
Bảng 2 Giới hạn của các chất ô nhiễm.....	17
Bảng 3 Kết quả quan trắc nước thải của cơ sở năm 2023	19
Bảng 4 Kinh phí thực hiện quan trắc hàng năm của cơ sở.....	21

CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: CÔNG TY TNHH MTV T - THAI
- Địa chỉ văn phòng: Ấp Phú Nghĩa, Xã Phú Hữu, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Bà Nguyễn Thị Thúy Diệp
- Điện thoại: 0988 876 429
- Giấy đăng ký kinh doanh số: 6300313188 cấp lần đầu ngày 15 tháng 01 năm 2019 và thay đổi lần thứ 1 ngày 19 tháng 10 năm 2022.

2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: CƠ SỞ CHẾ BIẾN DA CÁ CHIÊN VÀ CÁ TRÍCH SẤY KHÔ
- Địa điểm cơ sở: Ấp Phú Nghĩa, Xã Phú Hữu, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang
- Giấy phép môi trường số: Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch ứng phó sự cố môi trường UBND huyện Châu Thành xác nhận số 5279/GXN – UBND ngày 18/09/2020
- Quy mô: Cơ sở thuộc loại cơ sở nhóm C (theo điều 10 của luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019). Thuộc mục số 2, phụ lục 5 ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo Vệ Môi Trường. Vì vậy, cơ sở chế biến da cá chiên và cá trích sấy khô thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của UBND huyện Châu Thành.

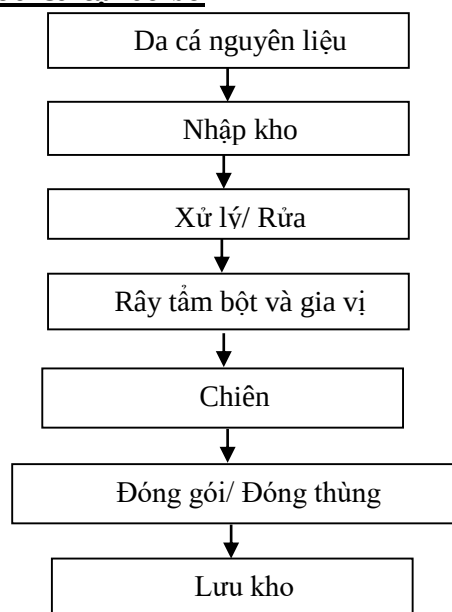
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1 Công suất hoạt động của cơ sở

Cơ sở có lĩnh vực hoạt động chủ yếu là chế biến da cá chiên và cá trích sấy khô với công suất khoảng 50 tấn/tháng. Diện tích cơ sở là 4.903,9 m².

3.2 Công nghệ sản xuất của cơ sở

Quy trình sản xuất da cá tại cơ sở



Hình 1 Quy trình sản xuất da cá chiên tại cơ sở.

Mô tả quy trình: Quy trình chế biến da cá chiên giòn được cơ sở thực hiện như sau

Xử lý/rửa: Nguyên liệu đạt yêu cầu về chất lượng sẽ được công nhân xử lý tách mỡ và thịt còn dư thừa, định hình lại hình dáng sản phẩm. Sau đó sẽ được rửa sạch với muối, công đoạn rửa nguyên liệu hoàn toàn thực hiện bằng máy nên đảm bảo về vệ sinh thực phẩm. Nguyên liệu sau khi rửa sạch được để ráo và chuyển qua công đoạn rây tấm bột và gia vị.

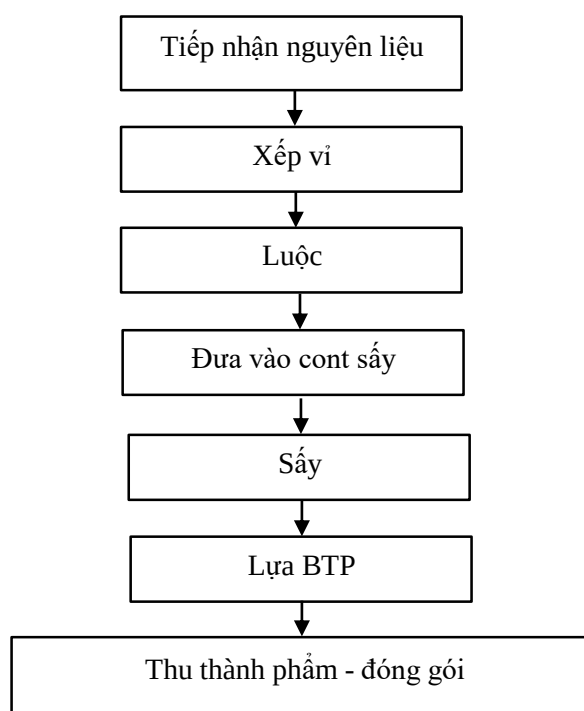
Rây tấm bột và gia vị: Da cá sau khi được rửa sạch, sẽ được tấm ướp với gia vị và bột chiên giòn. Tùy theo đơn hàng và loại mặt hàng sản xuất cơ sở sẽ phối trộn các loại nguyên liệu sao cho phù hợp (chủ yếu nguồn gia vị sẽ do đối tác đặt hàng cung cấp). Công đoạn rây bột hoàn toàn được thực hiện bằng máy. Da cá sau khi được tấm ướp sẽ được chuyển đến công đoạn chiên giòn

Chiên: Da cá sau khi tấm ướp gia vị được chuyển qua công đoạn chiên, hầu hết công đoạn này đều được thực hiện bằng các máy chiên ở nhiệt độ khoảng 120-150 °C

Đóng gói/đóng thùng: Sản phẩm sau công đoạn chiên sẽ được ổn định nhiệt độ thích hợp sau đó sẽ được công nhân đóng gói và đóng thùng lưu trữ lại trong kho thành phẩm

Lưu trữ: Sản phẩm được lưu trữ ở nhiệt độ phòng tại kho thành phẩm, chờ xuất cho khách hàng. Khách hàng chủ yếu của cơ sở là các công ty thuê cơ sở gia công

Quy trình sản xuất cá trích sấy khô tại cơ sở



Hình 2 Quy trình sản xuất cá trích sấy khô tại cơ sở.

Mô tả quy trình: Cơ sở tiếp nhận nguyên liệu (cá trích tươi), nguyên liệu đã được sơ chế và làm sạch để sẵn sàng tiến hành chế biến. Nhân viên sẽ kiểm tra chất lượng đầu vào, sau đó xếp nguyên liệu có sẵn lên vỉ, tiếp theo tiến hành luộc sơ qua trong nước nóng để làm chín và khử mùi tanh. Cá sau khi luộc được chuyển vào khu vực sấy, nhân viên sẽ đưa vào lò sấy đã cài đặt nhiệt độ và thời gian phù hợp. Cơ sở không sử dụng nhiên liệu đốt tự nhiên để sấy cá mà quá trình sấy cá được sử dụng bằng điện. Quá trình sấy được theo dõi nghiêm ngặt

và điều chỉnh nhiệt độ, độ ẩm phù hợp để đảm bảo cá được sấy khô đều. Cá được sấy cho đến khi đạt độ ẩm theo yêu cầu của sản phẩm, sau đó sẽ đưa ra khỏi lò và để nguội, nhân viên sẽ tiến hành thu gom và đóng gói theo quy cách yêu cầu, bao bì được ghi rõ thông tin như tên sản phẩm, thành phần, hạn sử dụng,... Quy trình sản xuất cá trích sấy khô tại cơ sở đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và đạt tiêu chuẩn GMP (thực hành sản xuất tốt).

3.3 Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm của cơ sở là da cá chiên và các trích tươi sấy

3.4 Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cấp điện nước của cơ sở

Bảng 1 Nhu cầu nguyên liệu ước lượng sử dụng tại cơ sở

STT	Tên nguyên liệu	ĐVT	Số lượng/tháng	Nơi cung cấp
1	- Da cá	Tấn	50	- Nhà máy chế biến cá tra, basa
2	- Cá trích	Tấn	12	- Nhà máy đối tác
3	- Dầu ăn	Lít	35.000	- Từ các cửa hàng, cơ sở sản xuất bên ngoài có nguồn gốc xuất xứ.
4	- Gia vị các loại	Kg	2.500	- Từ các đơn vị hợp đồng gia công
5	- Bột	Kg	2.500	
6	- Muối rửa nguyên liệu	Kg	7.500	

(Nguồn: Công ty TNHH MTV T – Thai, 2024)

- Nhiên liệu sử dụng cho cơ sở chủ yếu là điện phục vụ chạy các thiết bị: Máy nén khí, máy ozone, máy bơm nước,...và phục vụ sinh hoạt. Ước lượng mỗi tháng cơ sở tiêu thụ khoảng 84.000 kW/tháng (theo số liệu trung bình 3 tháng gần nhất)

- Nguồn nước chủ yếu để phục vụ sinh hoạt hàng ngày và việc sản xuất kinh doanh tại cơ sở. Nhu cầu sử dụng nước trung bình tại cơ sở như sau:

+ Nước sinh hoạt: Định mức cấp nước cho công nhân được tính toán theo QCVN 01: 2008/BXD – Quy chuẩn quy hoạch Việt Nam về quy hoạch xây dựng là 120 lít/người/ngày. Số công nhân khoảng 45 người. Ngoài ra chủ cơ sở còn đầu tư nhà ăn phục vụ nhu cầu ăn trưa cho nhân viên nên lượng nước phục vụ cho việc rửa nguyên liệu nấu ăn ước tính khoảng 7 lít/người/ngày. Nhu cầu dùng nước cho sinh hoạt và ăn uống của công nhân tại nhà ăn là 127 lít/người/ngày. Vậy tổng nhu cầu sử dụng nước của cơ sở khoảng 5,7 m³/ngày (tương đương khoảng 148 m³/tháng, dự kiến hoạt động 26 ngày/tháng), nguồn nước sử dụng chủ yếu là nước cấp tại địa phương.

+ Nước sản xuất: Do đặc thù sản xuất của cơ sở là chế biến da cá chiên và cá trích sấy khô hầu như không sử dụng nước trong quá trình sản xuất, ngoài công đoạn rửa nguyên liệu các công đoạn còn lại không sử dụng nước. Công đoạn vệ sinh máy móc thiết bị không sử dụng nước, sau mỗi ngày sản xuất công nhân sẽ sử dụng khăn lau chuyên dụng để vệ sinh máy móc chuẩn bị cho hoạt động sản xuất của ngày hôm sau. Cơ sở sử dụng nước cấp tại địa phương với tổng nhu cầu sử dụng nước cho sản xuất tại cơ sở (chủ yếu sử dụng cho khâu rửa

nguyên liệu) khoảng 220 – 328 m³/tháng (8,5-12,6 m³/ngày). Định mức cấp nước cho ngành chế biến cá da trơn: 5-7 m³/tấn sản phẩm.

➔ Tổng nhu cầu sử dụng nước cho hoạt động sinh hoạt và hoạt động sản xuất của cơ sở khoảng 420 m³/tháng (theo số liệu trung bình 3 tháng gần nhất).

3.5 Các thông tin khác liên quan cơ sở

*** Loại hình cơ sở:** Sản xuất da cá chiên và cá trích sấy khô

*** Lượng công nhân viên làm việc tại cơ sở:** Ước tính khoảng 45 người

CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

➤ Hiện trạng quản lý, sử dụng đất khu vực thực hiện cơ sở

Khu vực thực hiện cơ sở hiện trạng khu đất thực hiện cơ sở đã có sẵn. Dân cư tại khu vực thực hiện cơ sở nhìn chung còn rất thưa thớt, công trình kiến trúc nhà dân chủ yếu là nhà cấp 4 với hình thức đơn giản, chủ yếu là xây theo kiểu tự phát.

➤ Sự phù hợp của vị trí cơ sở

Cơ sở với mục tiêu chính là sản xuất da cá chiên và cá trích sấy khô. Như vậy, cơ sở phù hợp với quy hoạch và phát triển kinh tế xã hội chung của tỉnh.

Loại hình hoạt động của cơ sở là sản xuất da cá chiên và cá trích sấy khô. Trong quá trình hoạt động cơ sở sẽ thực hiện đầy đủ các biện pháp và công trình bảo vệ môi trường, bố trí trồng cây xanh xung quanh khu vực cơ sở để giảm tác động đến môi trường xung quanh và có chế độ khám sức khỏe định kỳ, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân. Bên cạnh đó, trong quá trình hoạt động nếu để xảy ra các vấn đề ô nhiễm môi trường cơ sở sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm và khắc phục hậu quả theo đúng quy định hiện hành.

➤ Sự phù hợp của địa điểm thực hiện cơ sở với các quy hoạch, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Về quy hoạch kinh tế - xã hội: Phù hợp với các hoạt động kinh tế xã hội tại khu vực.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải môi trường

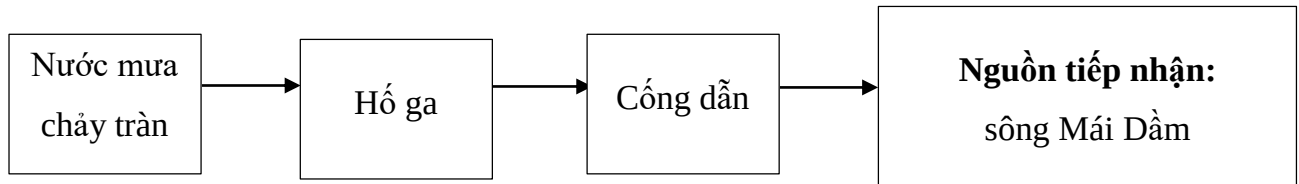
Cơ sở là cơ sở sản xuất da cá chiên và cá trích sấy khô quy trình sản xuất phát sinh lượng nước thải chứa chất ô nhiễm chủ yếu là tổng chất rắn lơ lửng vào nguồn nước ở khu vực lân cận. Do vậy, khu vực thực hiện cơ sở phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường.

CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1 Thu gom, thoát nước mưa

Hệ thống thu gom nước mưa được thể hiện như sau



Hình 3 Quy trình hệ thống thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn

Theo quy ước nước mưa được coi là nước sạch có thể thải ra nguồn tiếp nhận mà không cần xử lý. Tuy nhiên chất lượng nước mưa khi chảy đến hệ thống thoát nước phụ thuộc vào độ trong sạch của khí quyển và đặc điểm mặt bằng rửa trôi. Do cơ sở xây dựng kín, hầu hết diện tích mặt bằng đều được bê tông hóa nên nước mưa chảy tràn trong khu vực cơ sở tương đối sạch có thể xả ra nguồn tiếp nhận mà không cần xử lý.

Nước mưa tại cơ sở được thu gom bằng các đường ống thoát nước mưa bố trí từ tầng mái đến tầng trệt; ngoài ra còn có nước mưa chảy tràn trên khuôn viên cơ sở được dẫn vào các đường ống thoát nước trong khuôn viên cơ sở trước khi thải vào cống thoát nước, đảm bảo nước mưa không bị ứ đọng trong khu vực của cơ sở.

Nước mưa được xem là nước sạch không chảy qua khu vực chứa các tác nhân gây ô nhiễm; tuy nhiên, nước mưa chảy tràn có lưu lượng lớn và không ổn định (phụ thuộc vào lượng mưa). Vì vậy, chủ cơ sở đã xây dựng hệ thống thoát nước mưa tách riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước thải; bên cạnh đó chủ cơ sở cũng bố trí nhân viên thường xuyên kiểm tra hệ thống thoát nước mưa và sửa chữa, thay thế đường ống thoát nước mưa khi phát hiện bất thường nhằm đảm bảo nước mưa chảy tràn không gây ô nhiễm môi trường xung quanh khu vực cơ sở.

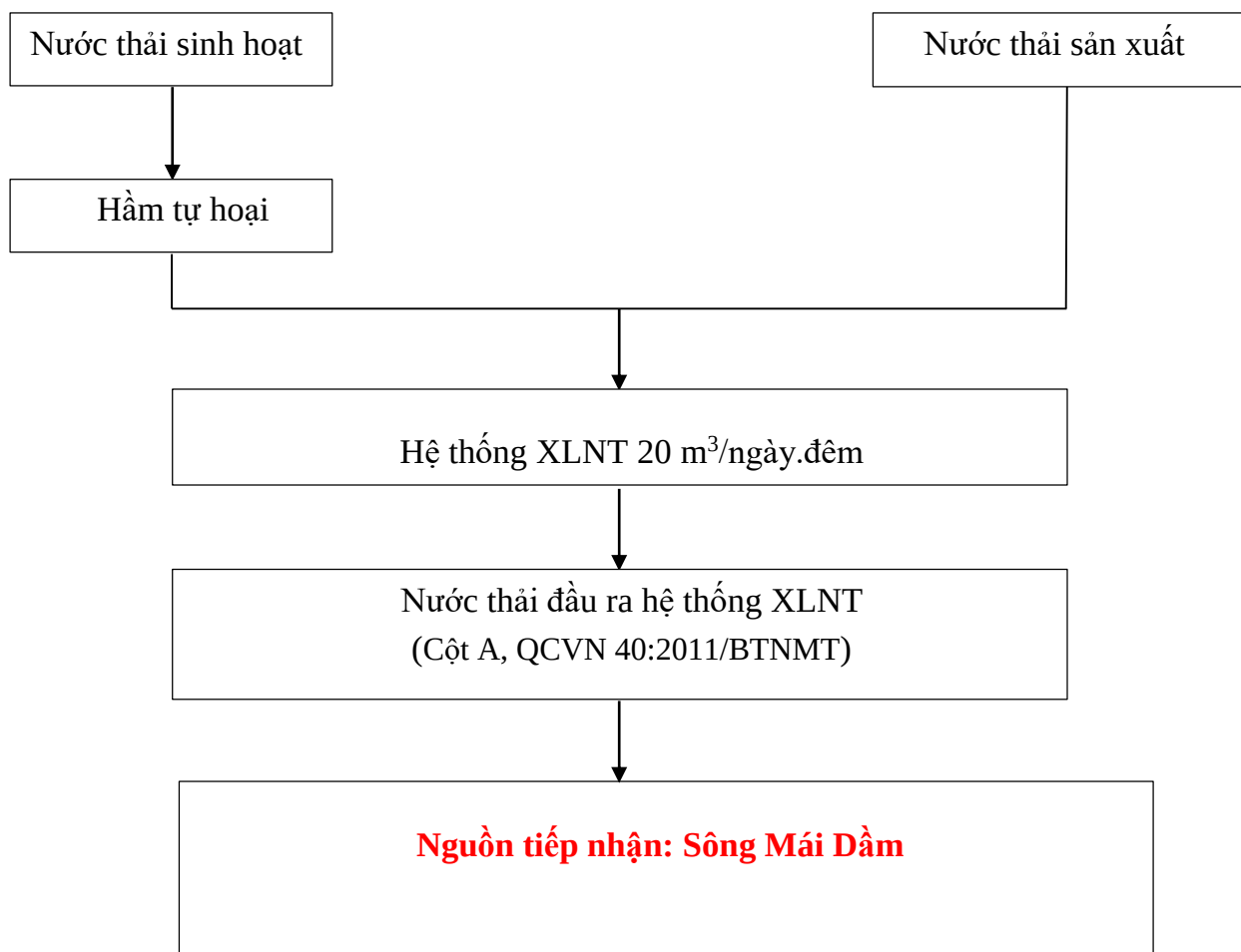
1.2 Thu gom, thoát nước thải

a. Công trình thu gom nước thải

Sơ đồ và mô tả hệ thống thu gom nước thải, cách thức thu gom, các thông số thiết kế của hệ thống thu gom

Nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động cơ sở gồm: Nước thải từ quá trình sinh hoạt của nhân viên, khách hàng và các hoạt động tại cơ sở. Để thu gom triệt để lượng nước thải

phát sinh, cơ sở đã đầu tư xây dựng hệ thống thu gom nước thải với sơ đồ thu gom được thể hiện trong hình sau:



Hình 4 Quy trình hệ thống thu gom, xử lý nước thải của cơ sở

b. Công trình thoát nước thải

Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn Cột A, QCVN 40:2011/BTNMT, sau đó theo phương thức tự chảy thoát ra nguồn tiếp nhận là sông Mái Dầm

c. Điểm xả nước thải sau xử lý

- Vị trí xả nước thải: Cơ sở chế biến da cá chiên T – Thai tại Ấp Phú Nghĩa, Xã Phú Hữu, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang
- Tọa độ vị trí xả nước thải (tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105° , múi chiếu 3°):
X= 1097541; Y= 590079
- Nguồn nước tiếp nhận nước thải: Sông Mái Dầm
- Phương thức xả nước thải: xả liên tục (24h/ngày.đêm)
- Lưu lượng xả thải lớn nhất: $20 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ (tính theo hóa đơn tiền nước, đính kèm ở phần phụ lục)

1.3 Xử lý nước thải

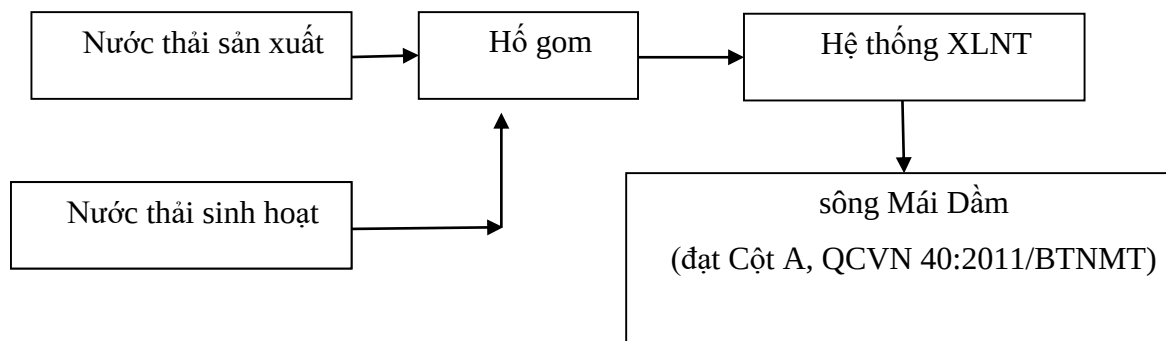
Công trình xử lý sơ bộ các loại nước thải trước khi vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung

Nước thải sinh hoạt, vệ sinh cá nhân từ các nhà vệ sinh được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại. Với loại hình chế biến da cá chiên nước thải phát sinh chủ yếu là công đoạn rửa nguyên liệu, nên nước thải sản xuất của cơ sở chứa chất ô nhiễm không cao. Tuy nhiên chủ cơ sở cũng có các biện pháp đề xuất quản lý nước thải như sau:

Nước thải từ quá trình sản xuất phát sinh chủ yếu ở công đoạn rửa nguyên liệu với lượng phát thải khoảng 8,5-12,6 m³/ngày được thu gom vào hố gom sau đó qua hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở xử lý toàn bộ các chất ô nhiễm có trong nước thải, nước thải sau khi qua hệ thống xử lý tập trung đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT.

Tuy lượng nước thải sản xuất chỉ khoảng 8,5-12,6 m³/ngày, lượng nước thải sinh hoạt của công nhân và nước từ nhà ăn khoảng 5,7 m³/ngày, chủ cơ sở đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải có công suất 20 m³/ngày để xử lý lượng nước thải trên nhằm dự phòng cho trường hợp mở rộng và nâng công suất trong tương lai.

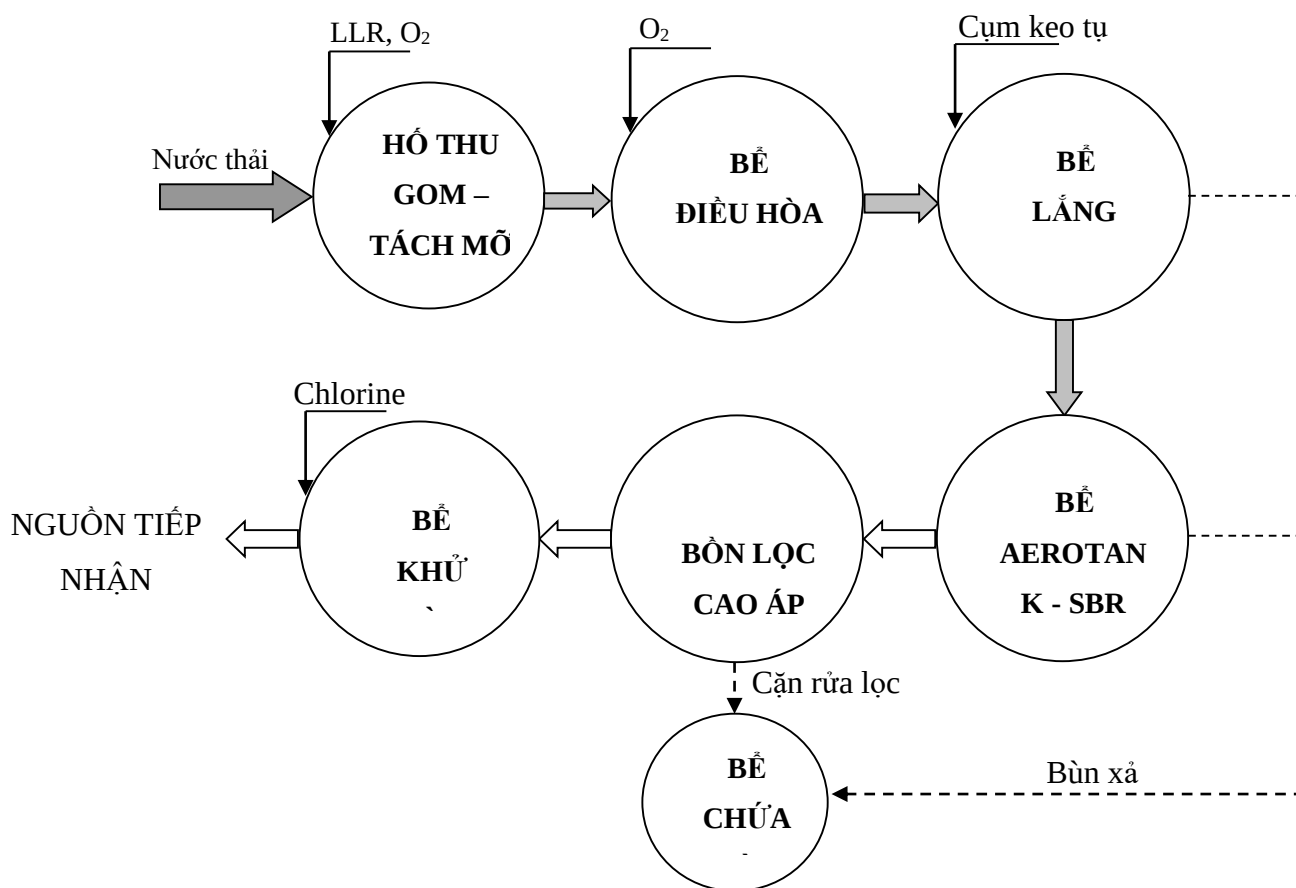
Nước thải sinh hoạt của công nhân sau khi qua bể tự hoại và nước rửa nguyên liệu trong quá trình sản xuất được thu gom về hố gom và được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung, nước thải sau khi qua hệ thống xử lý tập trung của cơ sở đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT trước khi thải ra sông (sông Mái Dầm).



Hình 5 Quy trình thu gom và xử lý nước thải của cơ sở

Công trình xử lý nước thải tập trung tại cơ sở

Chi tiết về hệ thống xử lý nước thải của cơ sở đầu tư xây dựng với công suất 20 m³/ngày.đêm. Sử dụng công nghệ hóa lý kết hợp sinh học bùn hoạt tính (Aerotank - SBR).



Ghi chú:

- LLR: Lưới lọc rác
- ----> : Bùn thải

Hình 6 Quy trình hệ thống xử lý nước thải

Thuyết minh quy trình

Giai đoạn xử lý cơ học: Lưới lọc rác, bể điều hòa lưu lượng

Nước thải từ hệ thống nhà vệ sinh chảy qua các bể tự hoại; Nước thải sản xuất tự chảy về bể điều hòa; Tại đầu vào bể điều hòa được bố trí hệ thống lưới lọc rác để loại bỏ rác thô, tạp chất thô. Công đoạn này có nhiệm vụ giữ lại các tạp chất thô có kích thước > 5 mm tránh làm tắc nghẽn máy bơm nước và hệ thống cấp khí của bể điều hòa. Bể điều hòa có tác dụng: ổn định nồng độ chất ô nhiễm và lưu lượng nước thải trước khi vào hệ thống xử lý.

Giai đoạn xử lý hóa lý: Keo tụ tạo bông + Lắng (Coagulation + Sedimentation)

Nước thải từ bể điều hòa được bơm vào bể keo tụ 1, keo tụ 2 và qua bể lắng 1 để tách chất rắn và dầu mỡ thừa ra khỏi nước thải. Tại đây quá trình lắng được hỗ trợ bởi quá trình keo tụ - tạo bông bằng cách bổ sung hóa chất keo tụ PAC. Đây là quá trình keo tụ tạo bông, nhằm đông tụ và kết bông các hạt keo có kích thước rất nhỏ khó lắng, và các chất huyền phù thành các hạt có kích thước lớn và dễ dàng loại bỏ chúng bằng quá trình lắng. Hiệu quả của

quá trình này có thể loại bỏ đến 99% các chất ô nhiễm ở dạng rắn và huyền phù, giúp giảm tải cho công đoạn xử lý phía sau, tiết kiệm chi phí xây dựng và xử lý.

Giai đoạn xử lý sinh học: sử dụng công nghệ sinh học bùn hoạt tính Anoxic - Aerobic.

Quá trình xử lý nước thải bằng bùn hoạt tính gồm bốn giai đoạn chính như sau:

- 1) Khuấy trộn tạo điều kiện tiếp xúc giữa nước thải với bùn hoạt tính.
- 2) Cung cấp oxy để vi khuẩn và các VSV khác oxy hóa chất hữu cơ.
- 3) Tách bùn hoạt tính ra khỏi nước thải.
- 4) Tái sinh bùn hoạt tính tuần hoàn và đưa vào bể sinh học.

Trong thiết bị lọc sinh học, nước tiếp xúc với bùn hoạt tính bằng cách khuấy trộn và cung cấp khí.

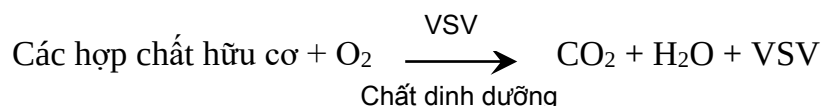
Trong điều kiện có oxy không khí, các vi khuẩn tiêu thụ các chất hữu cơ:

+ Một mặt do nhu cầu năng lượng để tồn tại, sinh trưởng (phân chia tế bào, tổng hợp các chất sống) và hô hấp nội bào (oxy hóa nội bào).

+ Mặt khác tạo một lượng cơ thể sống và chất trơ dư thừa (bùn dư).

Các chất hữu cơ hòa tan, cả các chất keo, phân tán nhỏ sẽ được chuyển hóa bằng cách hấp phụ và keo tụ trên bề mặt tế bào vi sinh vật. Tiếp đó, trong quá trình trao đổi chất, dưới tác động của men nội bào, các chất hữu cơ sẽ bị phân hủy.

Quá trình phân hủy các chất bản hữu cơ là một phản ứng oxy hóa khử có thể biểu diễn ở dạng tổng quát:



Quá trình chuyển hóa chất bản trong bể xử lý nước thải được thực hiện theo từng bước xen kẽ và nối tiếp. Một vài loại vi khuẩn tấn công vào các hợp chất hữu cơ có cấu trúc phức tạp để chuyển hóa thành các chất hữu cơ đơn giản, là nguồn chất nền cho vi khuẩn tiếp theo. Quá trình tiếp diễn cho đến khi chất thải cuối cùng không thể là thức ăn của vi sinh được nữa. Nếu trong nước thải đậm đặc chất hữu cơ hay có nhiều chất hữu cơ khó phân hủy, cần thời gian để chuyển hóa thì phần bùn hoạt tính tuần hoàn cần phải tách riêng và sục khí cho chúng tiêu hóa thức ăn đã hấp thụ (quá trình tái sinh bùn).

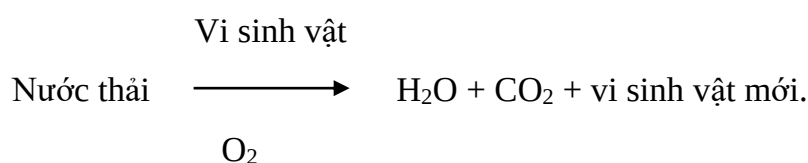
Quá trình xử lý nước thải bằng bùn hoạt tính hiếu khí (Aerobic) kết hợp bùn hoạt tính thiếu khí (Anoxic) bằng quá trình SBR gồm các giai đoạn chính như sau:

Quá trình sinh học sinh trưởng lơ lửng: Đây là công nghệ phát triển sinh khối vi sinh vật thiếu khí (Anoxic) và hiếu khí (Aerobic) với công nghệ cung cấp lượng oxy vào. Sự hình thành 2 vùng vi sinh vật hiếu khí và thiếu khí là do sự khuếch tán của oxy vào bể, sử dụng cánh khuấy để tạo vùng thiếu khí (anoxic), sử dụng máy thổi khí tạo vùng hiếu khí (aerobic).

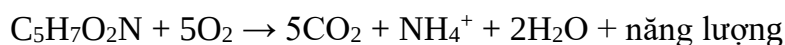
Ở khu vực thiếu khí các photpho vô cơ được phóng thích từ các tế bào và tạo điều kiện cho sự phân hủy polyphosphate. Năng lượng phóng thích từ quá trình này được sử dụng để hấp thu BOD trong nước thải. Hiệu quả quá trình cao khi tỉ lệ BOD/P cao hơn 10 (Metcalf và Eddy, 1991). Ở giai đoạn hiếu khí các phospho ở dạng hòa tan sẽ được hấp thu bởi các vi khuẩn và được tổng hợp polyphosphate, quá trình sử dụng năng lượng từ việc oxy hóa BOD. Quy trình SAF sẽ loại bỏ đồng thời BOD, nitơ và photpho trong nước thải và tạo thành bùn có hàm lượng photpho cao. Đặc điểm của quy trình này là thời gian lưu tế bào ngắn và tải lượng nạp chất hữu cơ cao.

Cơ chế xử lý của trình Aerobic và Anoxic như sau: Đầu tiên nước thải sẽ tiếp xúc với hệ vi sinh vật thiếu khí ở bể anoxic, tại đây các vi sinh vật thiếu khí sẽ hấp thụ và khử chất ô nhiễm, quá trình này làm giảm đáng kể chất dinh dưỡng (ni-tơ tổng, phốt-pho tổng). Sau đó nước thải sẽ tiếp xúc với hệ vi sinh vật hiếu khí, hệ này sẽ oxy hóa các chất hữu cơ thành thức ăn, CO₂, H₂O và tế bào mới. Sau quá trình này các chất ô nhiễm hữu cơ vì thế mà giảm đến mức thấp nhất:

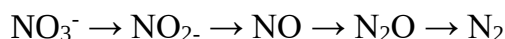
+ Quá trình phân hủy các chất hữu cơ theo phản ứng sau:



+ Quá trình thiếu khí (Aerobic Process): oxy hóa NH₄⁺ thành NO₃⁻, khử BOD, COD, Sunfua...



+ Quá trình thiếu khí (Anoxic Process): khử NO₃⁻ thành N₂, khử phốt-pho tổng về dạng kết tủa PO₄³⁻ và tiếp tục giảm BOD, COD...



Nước thải sau quá trình xử lý sinh học Aerobic – SBR gồm các quá trình: Bơm nước vào – Sục khí – Lắng – Xả bùn dư – Bơm nước trong.

Nước trong từ bể Aerobic – SBR bơm qua bồn lọc cao áp và chảy qua bể khử trùng.

Bùn dư (sinh khối) từ bể Aerobic – SBR được bơm định kỳ về bể chứa bùn.

Giai đoạn xử lý hóa lý 2: Khử trùng chlorine

Nước thải sau quá trình xử lý sinh học và tách sinh khối sẽ được xử lý tiếp qua bể khử trùng chlorine. Công đoạn này nhằm khử trùng nước thải, tiêu diệt mầm bệnh trước khi thải ra môi trường.

Cơ chế của quá trình khử trùng chlorine diễn ra như sau:

Clo là một chất oxy hóa mạnh, ở bất cứ dạng nào, nguyên chất hay hợp chất khi tác dụng với nước đều tạo ra phân tử axit hypoclorit HOCl có tác dụng khử trùng rất mạnh.

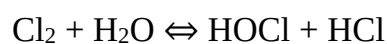
Quá trình diệt vi sinh vật xảy ra qua 2 giai đoạn. Đầu tiên chất khử trùng khuếch tán xuyên qua vỏ tế bào vi sinh, sau đó phản ứng với men bên trong tế bào và phá hoại quá trình trao đổi chất dẫn đến sự diệt vong của tế bào.

Tốc độ của quá trình khử trùng được xác định bằng động học của quá trình khuếch tán chất diệt trùng qua vỏ tế bào và động học của quá trình phân hủy men tế bào.

Tốc độ của quá trình khử trùng tăng khi nồng độ của chất khử trùng và nhiệt độ nước tăng, đồng thời phụ thuộc vào dạng không phân ly của chất khử trùng, vì quá trình khuếch tán qua vỏ tế bào xảy ra nhanh hơn quá trình phân ly.

Tốc độ khử trùng bị chậm đi rất nhiều khi trong nước có các chất hữu cơ, cặn lơ lửng và các chất khử khác.

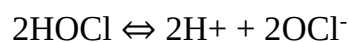
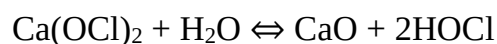
Phản ứng đặc trưng là sự thủy phân của clo tạo ra axit hypoclorit và axit clohydric



Hoặc ở dạng phương trình phân ly:



Khi sử dụng clorua vôi làm chất khử trùng, phản ứng sẽ là:



Hiệu suất của phương pháp này có thể loại bỏ 99% vi khuẩn.

Nước thải sau bể khử trùng được chảy tràn vào hệ thống thoát nước ra môi trường.

Bùn từ các công đoạn xử lý được bơm tự động về bể chứa bùn. Bùn tại đây được cơ sở thuê thải bỏ theo qui định.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Mặc dù ảnh hưởng của khí thải và bụi từ phương tiện vận chuyển của cơ sở đến sức khỏe của người dân và môi trường xung quanh không lớn. Tuy nhiên chủ cơ sở sẽ áp dụng một số biện pháp để góp phần nâng cao chất lượng môi trường không khí của khu vực, đảm bảo môi trường làm việc cho nhân viên như sau:

- Bố trí bãi đậu xe cho nhân viên và khách đến liên hệ
- Đặt biển báo “Tắt máy dẫn bộ” tại khu vực để xe
- Vào các ngày nắng nóng sử dụng nước tưới khuôn viên cơ sở nhằm hạn chế bụi phát tán vào không khí
- Xây dựng khu vực đặt máy thổi khí, máy trộn và máy chiên cố định và có đệm chống rung chống ồn. Kiểm tra thường xuyên các chân đế, thay ron đệm giảm rung khi có dấu hiệu hư hỏng.

- Để hạn chế nhiệt thừa và mùi hôi từ quá trình sản xuất, chủ cơ sở sẽ đầu tư hệ thống máy hút và máy thổi khí tại các khâu để phát sinh nhiệt và mùi hôi nhằm điều hòa nhiệt độ và mùi phát sinh trong quá trình sản xuất hạn chế ảnh hưởng đến dân cư và công nhân làm việc nơi đây.

- Riêng khâu rửa nguyên liệu có thể phát sinh mùi hôi trong quá trình rửa, chủ cơ sở sẽ tiến hành lắp các quạt hút nhằm hạn chế mùi hôi phát sinh ảnh hưởng đến dân cư và công nhân. Bên cạnh đó, trong quá trình thu mua nguyên liệu phải đảm bảo độ tươi nhất định và yêu cầu nhà cung cấp nguyên liệu phải xử lý sơ bộ như cắt tia mỡ cá dư thừa, rửa sạch máu còn sót lại nhằm đảm bảo chất lượng đầu vào của nguyên liệu cũng như hạn chế tối đa việc phát sinh mùi hôi.

Mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải được hạn chế bằng cách vận hành hệ thống hàng ngày, thường xuyên kiểm tra máy móc thiết bị của hệ thống, tránh tình trạng hệ thống ngưng hoạt động do sự cố. Cử cán bộ chuyên trách tập huấn chuyển giao công nghệ từ nhà thầu thi công hệ thống nhằm trang bị kiến thức cơ bản về vận hành hệ thống xử lý nước thải.

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

a. Chất thải rắn thông thường từ sinh hoạt

Các biện pháp quản lý và xử lý như sau:

- Tại các khu vực sinh hoạt của nhân viên có bố trí thùng rác hợp vệ sinh
- Cuối ngày tất cả rác thải được tập trung vào thùng chứa chính
- Hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom hàng ngày

b. Chất thải rắn thông thường từ hoạt động sản xuất

Các biện pháp quản lý:

- Tại mỗi khu vực sản xuất có bố trí thùng rác
- Thu gom và phân loại tại nguồn
- Rác thải có thể tái chế sẽ được bán phế liệu. Số còn lại sẽ được thu gom và xử lý với rác thải sinh hoạt

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại là giẻ lau nhiễm dầu, bóng đèn huỳnh quang hỏng, hộp mực in, photo,... từng loại chất thải nguy hại khác nhau sẽ được lưu trữ trong các thùng chứa có nắp đậy khác nhau, trên mỗi thùng chứa có dán nhãn tên, mã CTNH để phân biệt từng loại chất thải và chứa trong kho chứa CTNH của cơ sở.

- Cơ sở sẽ thực hiện quản lý chất thải nguy hại theo đúng Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể:

Thu gom: khi có chất thải nguy hại phát sinh, nhân viên có trách nhiệm đưa chất thải tới khu vực lưu trữ dành riêng cho chất thải nguy hại.

Lưu trữ chất thải nguy hại

Tên chất thải	Mã CTNH
Hộp mực in thải	08 02 04
Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06
Giẻ lau dính dầu nhớt	18 02 01

Chất thải nguy hại được lưu giữ trong kho chứa CTNH, nằm gần kho chứa rác thải thông thường có cửa ra vào và có dán biển cảnh báo.

Vận chuyển, xử lý: ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại để vận chuyển, xử lý lượng chất thải này theo đúng quy định.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Cơ sở cũng sẽ áp dụng biện pháp để tăng cường hạn chế tiếng ồn như:

- Lập quy định quản lý, giờ kinh doanh để hạn chế ảnh hưởng đến dân cư xung quanh.
- Các phương tiện ra vào đều phải tắt máy và tuân theo hướng dẫn của cơ sở.
- Máy phát điện có thiết bị cách âm, chống ồn.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

- Lập quy định quản lý nhân viên, nội quy của siêu thị, cử bảo vệ theo dõi và thực hiện nghiêm chỉnh theo nội quy.

- Các thiết bị vận hành được niêm yết hướng dẫn sử dụng để đảm bảo không xảy ra sự cố.

- Đầu tư các thiết bị phòng cháy chữa cháy đúng quy định và tuân thủ theo sự cấp phép của cơ quan quản lý.

- Kiểm tra định kỳ thiết bị theo quy định, đặc biệt là thang máy, thang cuốn để hạn chế các sự cố xảy ra.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống điện, việc lắp đặt sử dụng các thiết bị điện đúng tiêu chuẩn kỹ thuật nhằm đề phòng sự cố quá tải, chập mạch điện gây ra cháy nổ.

- Dụng cụ điện, thiết bị điện đều phải là loại an toàn về cháy, nổ và có cấp phòng nổ tương ứng với môi trường hơi, khí dễ cháy nổ.

- Không đặt dây cáp điện trong cùng một đường rãnh ngầm hoặc nổi có ống dẫn hơi khí, chất lỏng dễ cháy. Không dùng các đường ống này làm vật nối đất tự nhiên.

- Cầu dao, cầu chì, ổ cắm điện đặt ở ngoài khu vực chứa các chất dễ cháy, nổ. Bất kỳ nhánh dây điện nào cũng có cầu chì hay thiết bị bảo vệ tương đương.

- Hệ thống điện chiếu sáng là loại phòng nổ, phải ngăn ngừa sự xâm nhập của hơi khí, bụi dễ cháy nổ vào thiết bị chiếu sáng.

- Khi sửa chữa, thay thế thiết bị điện thuộc nhánh nào thì cắt điện dẫn vào nhánh đó và treo bảng cấm đóng điện. Chỉ người chịu trách nhiệm có kỹ thuật về điện mới được làm việc này.
- Trang bị đủ các phương tiện để đảm bảo an toàn lao động như: nón bảo hộ, quần áo đồng phục, giày, khẩu trang, bao tay phù hợp với công việc.
- Huấn luyện cho công nhân viên về vệ sinh an toàn lao động và hướng dẫn bảo hộ lao động trước khi nhận công tác.
- Nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải sẽ được trang bị đảm bảo an toàn lao động như quần áo, mũ, găng tay, ủng, mặt nạ phòng hơi độc để đảm bảo an toàn khi làm việc.
- Xây dựng nội quy an toàn lao động cho từng khu vực, lắp đặt biển báo nhắc nhở nguy hiểm.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Cơ sở luôn ý thức và chú trọng công tác phòng cháy chữa cháy trong hoạt động sản xuất, sẽ đăng ký đủ điều kiện phòng cháy chữa cháy ở khu vực cơ sở.

Cơ sở sẽ đăng ký an toàn vệ sinh thực phẩm với Sở y tế theo đúng quy định.

Trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy và tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy đúng quy định.

7.1 Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

- Cơ sở sẽ phối hợp với cơ quan PCCC lắp đặt hệ thống báo cháy đèn tín hiệu và thiết bị chữa cháy (*Bình cứu hỏa, vòi nước chữa cháy, cát, bao tải, ...*).
- Cơ sở có kế hoạch phối hợp với các cơ quan PCCC tại địa phương để thực hiện hướng dẫn, huấn luyện cụ thể về các phương án phòng chống cháy nổ.
- Kiểm tra, bảo trì, bảo hành các máy móc thiết bị định kỳ 03 lần/tháng.
- Các nhiên liệu dễ cháy đặt cách ly xa khu vực dễ gây cháy.
- Cấm nhân viên hút thuốc hoặc sử dụng các thiết bị phát lửa trong toàn khu vực của cơ sở.
- Thường xuyên kiểm tra khu vực chứa nhiên liệu tránh sự rò rỉ.
- Trang bị đầy đủ các phương tiện về phòng cháy chữa cháy, lắp đặt đúng vị trí và đúng số lượng các bình cứu hỏa ở các nơi trong cơ sở.
- Thực hiện các biện pháp an toàn về điện gồm:
 - + Các thiết bị điện được tính toán dây dẫn có tiết diện hợp lý với cường độ, có thiết bị bảo vệ quá tải.
 - + Hệ thống đường điện đảm bảo có hành lang an toàn, hệ thống bảo vệ pha role cho các thiết bị sử dụng điện và được thường xuyên kiểm tra mức độ an toàn điện.
 - + Trang bị bảo hộ an toàn điện cho công nhân vận hành, sửa chữa điện.
- * **Tổ chức triển khai chữa cháy**
 - Người đầu tiên phát hiện cháy hô to Cháy...Cháy...Cháy... hoặc đánh keng báo động cho mọi người trong toàn bộ nhà máy biết.

- Chỉ huy chữa cháy tổ chức cắt điện khu vực cháy hoặc toàn bộ nhà máy để đảm bảo an toàn tuyệt đối cho công tác chữa cháy.
- Tổ chức cứu người bị nạn ra nơi an toàn.
- Dùng bình chữa cháy xách tay để chữa cháy.
- Khởi động máy bơm chữa cháy, sử dụng lăng, vòi để dập tắt đám cháy, ngăn cháy lan.
- Đồng thời phân công 01 thành viên gọi điện số 114 báo cho lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp đến để cứu chữa, đồng thời điện thoại cho các cơ quan chức năng đến để hỗ trợ cho công tác chữa cháy và đảm bảo an toàn trật tự xã hội khu vực chữa cháy và bảo vệ hiện trường.
- Huy động các lực lượng, phương tiện chuyên tài sản chưa bị cháy ra nơi an toàn.
- Cử người đón và hướng dẫn lực lượng PCCC chuyên nghiệp tiếp cận đám cháy được dễ dàng.
- Làm tốt công tác hậu cần chiếu sáng nếu đám cháy kéo dài vào ban đêm.
- Phối hợp với các lực lượng khác đảm bảo an ninh trật tự trong và ngoài cơ sở, bảo vệ tài sản cứu được, bảo vệ hiện trường cháy, tham gia họp rút kinh nghiệm khi đám cháy được dập tắt.

7.2 Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố nước thải

Hiện tại cơ sở đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải với công suất 20 m³/ngày.đêm

Thông thường thì sự cố về hệ thống xử lý nước thải có thể là mùi phát sinh, chất lượng nước đầu ra không đạt yêu cầu, cháy nổ các thiết bị phục vụ cho vận hành hệ thống, sự cố về điện của hệ thống, sự cố vỡ hệ thống xử lý.

Nguyên nhân chủ yếu có thể tính đến là do quá trình xây dựng hệ thống xử lý quá sơ sài, không đảm bảo chất lượng công trình; Công nhân vận hành không tuân thủ qui trình kỹ thuật, an toàn thiết bị; Chủ cơ sở không vận hành thường xuyên hệ thống xử lý hay hệ thống xử lý bị quá tải.

Nếu các sự cố từ hệ thống xử lý nước thải xảy ra sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường nước, không khí, ảnh hưởng đến tính mạng, tài sản của cơ sở, ảnh hưởng đến hoạt động của cơ sở. Phạm vi ảnh hưởng có thể trong khuôn viên cơ sở hoặc lan rộng ra trong vùng tùy thuộc vào sự cố phát sinh. Do đó, chủ cơ sở cần phối hợp với đơn vị có liên quan thực hiện nghiêm chỉnh về hoạt động xử lý ô nhiễm để không xảy ra các sự cố trên.

7.3 Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

- Có chế độ bảo hiểm đầy đủ cho các lao động
- Trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động, tủ thuốc y tế tại cơ sở
- Thiết kế sân bãi cho xe ra vào thông suốt và hợp lý, nền sân chắc chắn, không đọng nước, không lún sụt
- Quy định tốc độ các phương tiện vận chuyển
- Ban hành nội quy sản xuất tại cơ sở. Tuân thủ các quy định về an toàn lao động.

Chương IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải: phát sinh từ sinh hoạt của nhân viên và quá trình sản xuất
- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 20 m³/ngày đêm.
- Dòng nước thải: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải đạt Cột A, QCVN 40:2011/BTNMT, sau đó theo phương thức tự chảy ra sông Mái Dầm
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm:
 - + Các chất ô nhiễm của nước thải sinh hoạt như sau: pH, BOD₅, COD, chất rắn lơ lửng, NH₄⁺ (tính theo Nito), tổng Nito, tổng Phospho (Tính theo P), Clo dư, tổng Coliform
 - + Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm: Giới hạn của các chất ô nhiễm đối với nước thải sinh hoạt được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 2 Giới hạn của các chất ô nhiễm

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (K _q =1; K _f =1,2)
1	pH	-	6-9
2	BOD ₅	mg/l	30
3	COD	mg/l	75
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	50
5	N- NH ₄ ⁺	mg/l	
6	Tổng Nito	mg/l	20
7	Tổng Phospho (Tính theo P)	mg/l	4
8	Clo dư	mg/l	1
9	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:
 - + Vị trí xả thải: Cơ sở chế biến da cá chiên T - Thai. Có tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105°, múi chiều 3°): X= 1097541; Y= 590079
 - + Phương thức xả thải: phương thức xả thải của cơ sở là tự chảy.
 - + Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau khi xử lý đạt Cột A, QCVN 40:2011/BTNMT – quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp sau đó sẽ theo phương thức tự chảy ra nguồn tiếp nhận là sông Mái Dầm.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Khí thải từ hoạt động giao thông của các loại phương tiện xe máy, xe hơi, xe tải không đáng kể và bãi xe được bố trí hệ thống thông gió để đảm bảo không khí sạch được lưu thông.

Hệ thống cống dẫn nước thải, hệ thống xử lý nước thải được đậy kín và có hệ thống thông khí để giảm thiểu mùi hôi phát ra môi trường.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn chủ yếu từ các phương tiện giao thông và máy móc của cơ sở. Cơ sở chủ động thực hiện các biện pháp để hạn chế tiếng ồn ảnh hưởng đến dân cư xung quanh. Do đó, đối với trường hợp này cơ sở đề xuất không đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.

Chương V: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Để đánh giá hiệu quả xử lý công trình xử lý nước thải, hàng năm cơ sở đã thuê đơn vị có chức năng đến lấy và phân tích mẫu nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung, kết quả quan trắc năm 2023 thể hiện ở bảng sau:

Bảng 3 Kết quả quan trắc nước thải của cơ sở năm 2023

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	NĂM 2023		QCVN 40:2011/BTNMT, cột A ($K_q=1$; $K_f=1,2$)
			29/06	06/12	
1	pH	-	7,15	7,19	6-9
2	BOD	mg/l	31	34	30
3	COD	mg/l	68	72	75
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	34	36	50
5	N- NH_4^+	mg/l	12,1	12,8	KQĐ
6	Tổng Nitơ	mg/l	22,7	21,4	20
7	Tổng Phospho (Tính theo P)	mg/l	3,7	3,9	4
8	Clo dư	mg/l	KPH	KPH	1
9	Tổng Coliforms	MPN/100ml	$4,6 \times 10^3$	$3,9 \times 10^3$	3.000

(Nguồn: Công ty TNHH MTV T – Thai, 2023)

Nhận xét: Các thông số ô nhiễm đều nằm trong giới hạn cho phép của Cột A, QCVN 40:2011/BTNMT. Từ đó có thể nhận xét, Cơ sở chế biến da cá chiên và cá trích sấy khô đã vận hành HTXLNT đạt Cột A, QCVN 40:2011/BTNMT trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận là Sông Mái Dầm

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

Cơ sở không có phát sinh khí thải tại nguồn, do đó cơ sở không tiến hành đo đạc môi trường không khí.

3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo

Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo chỉ áp dụng đối với cơ sở không phải thực hiện quan trắc chất thải theo quy định. Tuy nhiên, định kỳ hàng năm, cơ sở đã thực hiện quan trắc môi trường định kỳ nên nội dung này là không có trong báo cáo.

Chương VI: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Căn cứ điểm d, khoản 2 Điều 42, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có nêu thời điểm cấp giấy phép môi trường được quy định như sau: “Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 39 của Luật này đã đi vào vận hành chính thức trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành phải có giấy phép môi trường trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường, giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất, giấy phép xử lý chất thải nguy hại, giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi (sau đây gọi chung là giấy phép môi trường thành phần). Giấy phép môi trường thành phần được tiếp tục sử dụng như giấy phép môi trường đến hết thời hạn của giấy phép môi trường thành phần hoặc được tiếp tục sử dụng trong thời hạn 05 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành trong trường hợp giấy phép môi trường thành phần không xác định thời hạn”

Cơ sở chính thức đi vào hoạt động từ năm 2020 cho đến nay nên thuộc quy định tại khoản 2 Điều 39 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Hiện nay, Cơ sở hoạt động với quy mô công suất không thay đổi so với thời điểm UBND huyện Châu Thành xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường.

Vì vậy, căn cứ điểm h, khoản 1, Điều 3 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ có nêu “Công trình xử lý chất thải của cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp khi đề nghị cấp lại giấy phép môi trường nhưng không có thay đổi so với giấy phép môi trường thành phần hoặc giấy phép môi trường đã cấp” thì cơ sở không phải thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải sau khi được cấp giấy phép môi trường.

2. Chương trình quan trắc chất thải

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

a. Quan trắc nước thải

Để kiểm soát hiệu quả của công trình xử lý nước thải và bảo vệ nguồn nước tiếp nhận không bị ô nhiễm thì chủ cơ sở đề xuất tiến hành lấy mẫu nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung. Nội dung cụ thể như sau:

- Vị trí lấy mẫu: 01 điểm tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Thông số quan trắc: pH, BOD₅, COD, chất rắn lơ lửng, NH₄⁺ (tính theo Nitơ), tổng Nitơ, tổng Phospho (Tính theo P), Clo dư, tổng Coliform
- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần
- Quy chuẩn so sánh: Cột A, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

b. Quan trắc khí thải: Không

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Căn cứ quy định tại số thứ tự 3 Cột 5 phụ lục XXVIII, ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ có yêu cầu các cơ sở, cơ sở không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này với mức lưu lượng nước thải từ 500 đến dưới 1.000 m³/ngày (24 giờ) thì phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục. Tuy nhiên, đối với hoạt động của cơ sở chỉ phát sinh nước thải tối đa khoảng 20 m³/ngày đêm nên căn cứ quy định trên thì cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở

Ngoài việc quan trắc môi trường định kỳ theo quy định nêu trên, chủ cơ sở không đề xuất hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục nào khác.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Căn cứ các chỉ tiêu lấy mẫu môi trường và tần suất quan trắc, cũng như căn cứ đơn giá phân tích mẫu của địa phương hiện nay, dự kiến kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm của cơ sở, cụ thể thể hiện ở bảng dưới đây:

Bảng 4 Kinh phí thực hiện quan trắc hàng năm của cơ sở

STT	Chỉ tiêu	Đơn giá	Số lượng	Tần suất/năm	Thành tiền
1	Phân tích mẫu nước thải	2.000.000	1	2	2.000.000
2	Hợp đồng thu gom chất thải nguy hại	6.000.000	1	1	6.000.000
3	Hợp đồng thu gom chất thải sinh hoạt	300.000	1	1	300.000
4	TỔNG CỘNG (I+II+III)	8.300.000			8.300.000

CHƯƠNG VII: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong 01 năm gần nhất trước thời điểm lập báo cáo, cơ sở chưa tiếp đoàn kiểm tra về việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường.

Trường hợp có vi phạm về bảo vệ môi trường thì nêu rõ việc khắc phục vi phạm: không có.

CHƯƠNG VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường như đã trình bày trong hồ sơ, cụ thể như sau:

(i) Các số liệu, dữ liệu được trình bày trong hồ sơ là chính xác, trung thực.

(ii) Các dòng chất thải phát sinh sẽ được thu gom, lưu giữ, quản lý và xử lý theo đúng các quy định hiện hành:

+ Thực hiện các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu đã nêu ở báo cáo này, đảm bảo các nguồn thải (khí thải, nước thải, chất thải rắn,...) phát sinh do hoạt động của cơ sở nằm trong giới hạn cho phép của QCVN về môi trường trong giai đoạn hoạt động của cơ sở;

+ Thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ và lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định.



NGUYỄN THỊ THÚY DIỆP

PHỤ LỤC

1. Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
3. Bảng vẽ mặt bằng cơ sở
4. Bản vẽ hoàn công hệ thống xử lý nước thải
5. Giấy xác nhận đăng ký bảo vệ môi trường
6. Hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt
7. Hóa đơn tiền nước tháng 1,2,3
8. Các phiếu kết quả quan trắc môi trường năm 2023

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 6300313188

Đăng ký lần đầu: ngày 15 tháng 01 năm 2019

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 19 tháng 10 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN T - THAI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: T - THAI ONE MEMBER LIMITED
COMPANY

Tên công ty viết tắt: T - THAI CO.,LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Áp Phú Nghĩa, Xã Phú Hữu, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0988876429

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

69.900.000.000 đồng

Bằng chữ: Sáu mươi chín tỷ chín trăm triệu đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN T- THAI

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 1800679329

Ngày cấp: 04/06/2019 Nơi cấp: Phòng ĐKKD Thành phố Cần Thơ

Địa chỉ trụ sở chính: 149, Cách Mạng Tháng Tám, Phường An Thới, Quận Bình Thủy,
Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ THÚY DIỆP

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/09/1972

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 091172018290

Ngày cấp: 09/08/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát QLHC Về TTXH

Địa chỉ thường trú: 149 Cách Mạng Tháng Tám, Phường An Thới, Quận Bình Thủy,
Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 149 Cách Mạng Tháng Tám, Phường An Thới, Quận Bình Thủy,
Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

MR. TRƯỞNG PHÒNG th



Trần Thanh Bình



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN T - THAI

GCNĐKDN số: 6300313188, cấp ngày 15 tháng 01 năm 2019

của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang.

Địa chỉ trụ sở chính: Ấp Phú Nghĩa, xã Phú Hữu, huyện Châu Thành,
tỉnh Hậu Giang

CQ 281705

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 640, tờ bản đồ số: 09
b) Địa chỉ: Ấp Phú Nghĩa, xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang
c) Diện tích: 3747,9m², (bằng chữ: ba nghìn bảy trăm bốn mươi bảy phẩy chín mét vuông)
d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
đ) Mục đích sử dụng: Đất thương mại, dịch vụ
e) Thời hạn sử dụng: Thời hạn sử dụng đất đến ngày 09/9/2055
g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất

2. Nhà ở: -/-.

3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: Kho chứa hàng xuất khẩu thủ công mỹ nghệ

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Nhà kho chứa hàng	1004,3	1004,3	Sở hữu riêng	Cấp IV	-/-
Nhà làm việc	246,5	305,95	Sở hữu riêng	Cấp IV	-/-
Nhà xưởng	513,04	513,04	Sở hữu riêng	Cấp IV	-/-
Nhà kho	344,4	344,4	Sở hữu riêng	Cấp IV	-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.

5. Cây lâu năm: -/-.

6. Ghi chú: Không.

Hậu Giang, ngày 10 tháng 6 năm 2019

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HẬU GIANG
GIÁM ĐỐC

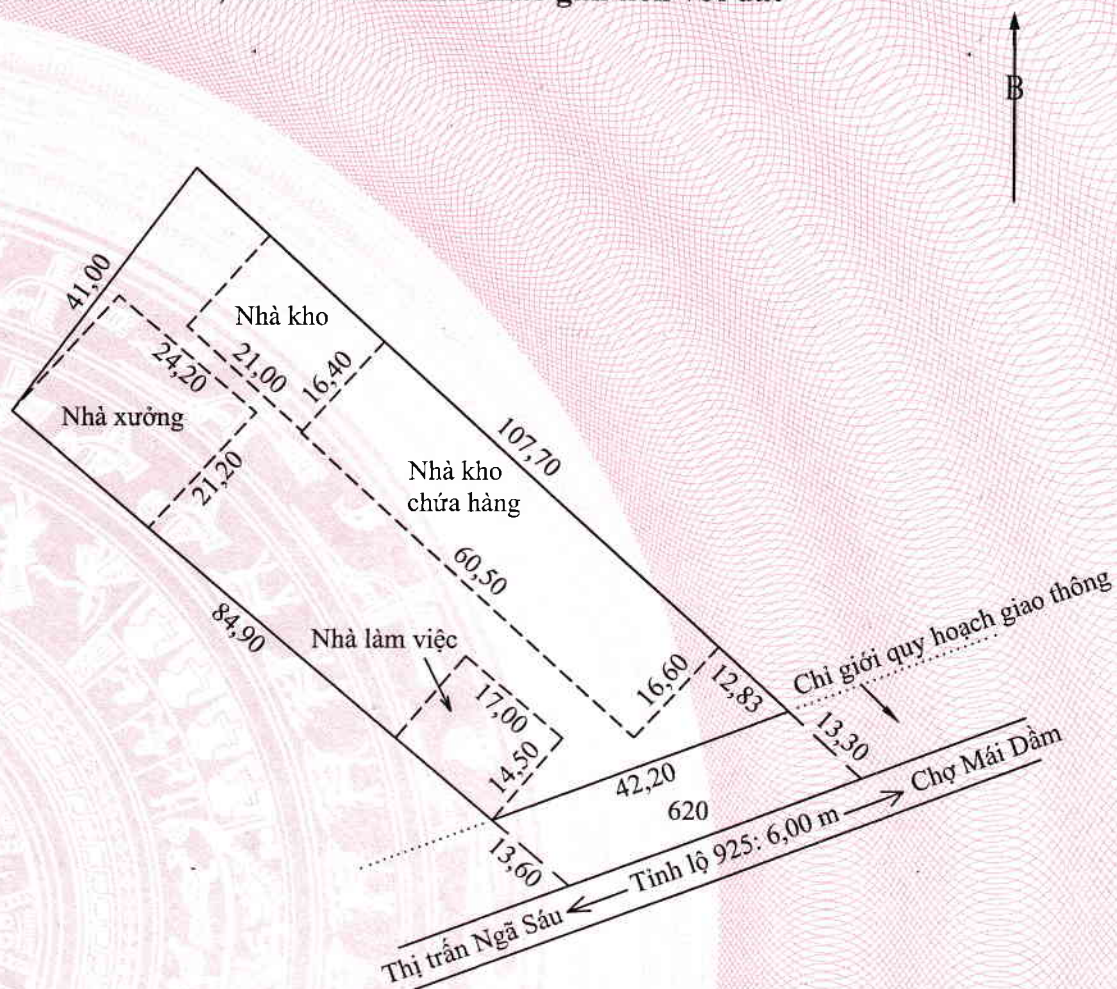
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Anh

Số vào sổ cấp GCN: CT13187

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

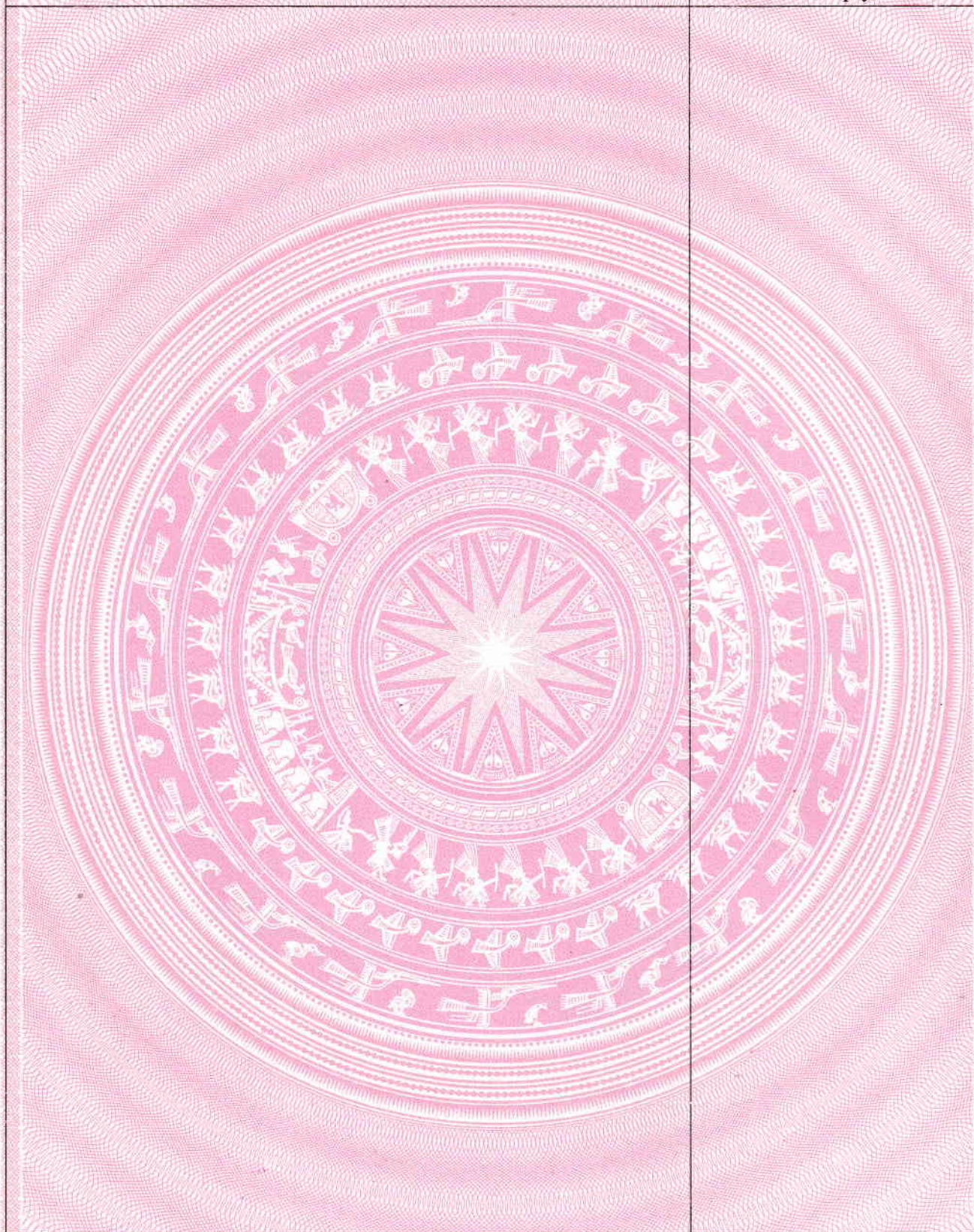


IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền



Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



3 137819013187

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
Số 5279/GXN-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Châu Thành, ngày 18 tháng 9 năm 2020

**GIẤY XÁC NHẬN
ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
UBND HUYỆN CHÂU THÀNH XÁC NHẬN**

Công ty TNHH MTV T - THAI đã đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án: Chế biến da cá chiên T - Thai vào ngày 7 tháng 9 năm 2020.

Công ty TNHH MTV T - THAI (chủ dự án), đại diện là Bà Nguyễn Thị Thúy Diệp – Giám đốc có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

1. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, các biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong bản kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký.
2. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký và các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường.
3. Tổ chức thực hiện các công trình quản lý, xử lý chất thải theo nội dung kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký.
4. Báo cáo kết quả hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường; đảm bảo nước thải, khí thải phải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải; thực hiện quản lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật.

Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của dự án. /

Nơi nhận:

- Chủ dự án (Cơ sở);
- Lưu: VT. 

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đỗ Văn Lô

Hậu Giang, ngày 29 tháng 12 năm 2023

HỢP ĐỒNG
DỊCH VỤ THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CHẤT THẢI SINH HOẠT
Số: 83/2024/HĐ.DVVS

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2023 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Hậu Giang, về việc Ban hành Quy định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; hình thức và mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ vào tình hình thực tế, khả năng, nhu cầu và sự thoả thuận của 2 bên.

Hôm nay, ngày 29 tháng 12 năm 2023. Tại Văn phòng CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

Thành phần gồm có:

BÊN A: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN T – T THÁI

- Địa chỉ: ấp Phú Nghĩa, xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang
- Mã số thuế: 6300313188
- Điện thoại: 0973 357 030
- Gmail:
- Người đại diện: **Nguyễn Thị Thúy Diệp**
- Chức vụ: **Giám Đốc**
- CCCD (CMND) số: .091172018290
- Cấp ngày: 09/08/2021

BÊN B: CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG

- Địa chỉ: Số 3, đường số 4, Cụm công nghiệp-Tiểu thủ công nghiệp, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.
- Mã số thuế: 6300349145
- Điện thoại: 02933877427
- Tên tài khoản ngân hàng: **CTY TNHH MTV CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HẬU GIANG.**
- Số tài khoản: **110002903376 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam-CN Hậu Giang.**
- Người đại diện: **Trần Văn Hiếu**
- Chức vụ: **Phó Giám đốc**

- CCCD số: 091079016806;

Cấp ngày: 12/08/2021;

Sau khi trao đổi, hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng dịch vụ thu gom rác thải sinh hoạt với các điều khoản như sau:

Điều 1: Nội dung công việc:

Bên B nhận cung cấp dịch vụ thu gom vận chuyển rác sinh hoạt thông thường của bên A.

Địa điểm lấy rác: ấp Phú Nghĩa, xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

Bên A phải thu gom rác cho vào túi nilon hoặc thùng chứa rác mang ra điểm tập kết để bên B thuận lợi thu gom và vận chuyển.

Các chất thải độc hại, chất thải rắn như: sắt, thép, thủy tinh, sành, sứ, xà bần, chai lọ, các loại hóa chất... không nằm trong danh mục rác thải thông thường thì bên A phải tách riêng và có thỏa thuận riêng với bên B theo từng loại.

Phương tiện thu gom xe ép rác của bên B

Số lần lấy rác: Từ 2-3 lần trong tuần theo lịch sắp xếp bên B. Khi bên A cần lấy rác đột xuất phải thông báo trước 1 ngày cho bên B

Điều 2: Thời gian thực hiện:

Thời gian thực hiện hợp đồng từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 03 năm 2024.

Điều 3: Giá trị hợp đồng thời gian và phương thức thanh toán:

3.1. Căn cứ Phụ lục đính kèm Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Hậu Giang. Về lộ trình kinh phí thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt từ năm 2023 đến năm 2030.

3.2. Giá trị hợp đồng: Theo thỏa thuận là 800.000 đồng/tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế VAT. Bằng chữ: Tám trăm ngàn đồng trên tháng.

3.3. Thời gian thanh toán: Chậm nhất ngày 10 của tháng kế tiếp từ thời điểm ra hóa đơn.

3.4. Phương thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản (VNĐ)

Giá trị hợp đồng sẽ được hai bên xem xét điều chỉnh cho phù hợp với khối lượng rác phát sinh thực tế (nếu có).

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ các bên:

- BÊN A:

+ Tạo điều kiện thuận lợi để bên B thực hiện công việc được nhanh chóng. Bên A tự bố trí nhân lực, dụng cụ quét dọn, thùng chứa rác và rác sinh hoạt phải được cho vào thùng hoặc túi nilon để bên B thuận lợi thu gom.

+ Thanh toán tiền cho bên B đúng, đủ như Điều 3 của hợp đồng.

- BÊN B:

+ Phải tổ chức nhân công, xe, máy, thiết bị chuyên dùng để triển khai thực hiện thu gom vận chuyển rác thải trong thời gian hợp đồng có hiệu lực.

+ Đảm bảo thực hiện đầy đủ các nội dung đã được nêu trong hợp đồng.

+ Bên B đơn phương ngừng thu gom rác khi Bên A nợ quá thời gian thanh toán tại điều 3.2

Điều 5: Điều khoản chung:

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ký trong hợp đồng này.

- Trong quá trình thực hiện nếu có xảy ra vướng mắc, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau, chủ động thương lượng và thỏa thuận cùng nhau giải quyết trên tinh thần hợp tác vì lợi ích chung của cả hai bên.

- Trường hợp một trong hai bên vi phạm các điều khoản của hợp đồng này thì bên kia có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng.

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 31/12/2024, nếu trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực mà có quyết định điều chỉnh mức thu phí vệ sinh mới của UBND tỉnh Hậu Giang hoặc có sự thay đổi hai bên thương thảo ký phụ lục hợp đồng hoặc ký lại hợp đồng mới hoặc chấm dứt hợp đồng.

- Mọi thắc mắc liên số điện thoại 0907.313.091 ông Ngô Thanh Hiền đội trưởng Đội CTĐT Châu Thành.

- Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản bên A giữ 02 (hai) bản, bên B giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau. Khi hết thời gian hợp đồng hoặc có một hợp đồng khác thay thế thì hợp đồng này xem như đã được thanh lý./.



NGUYỄN THỊ THÚY DIỆP

**ĐẠI DIỆN BÊN B
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Văn Hiếu



CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẬU GIANG

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-035

Địa chỉ (Address): Số 81 đường Võ Văn Kiệt, khu vực 2, Phường V, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Châu Thành - Số TK: 7004201000616 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 02 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TCE

Số (No): 30188

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công Ty TNHH MỘT THÀNH VIÊN T-THAI

Mã số thuế (Tax code): 6300313188

Địa chỉ (Address): Phú Nghĩa, Phú Hữu, Châu Thành, Hậu Giang

Mã khách hàng (Customer's Code): PB20050053164

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 1 năm 2024 từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/01/2024	kWh	92.100	-	172.423.100
	(kèm theo bảng kê số 1351139090 ngày 02 tháng 02 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					172.423.100
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			13.793.848
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			186.216.948
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm tám mươi sáu triệu hai trăm mười sáu nghìn chín trăm bốn mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẬU GIANG
Ngày ký: 02/02/2024 10:41:44



CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẬU GIANG

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-035

Địa chỉ (Address): Số 81 đường Võ Văn Kiệt, khu vực 2, Phường V, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Châu Thành - Số TK: 7004201000616 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 03 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TCE

Số (No): 60257

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công Ty TNHH MỘT THÀNH VIÊN T-THAI

Mã số thuế (Tax code): 6300313188

Địa chỉ (Address): Phú Nghĩa, Phú Hữu, Châu Thành, Hậu Giang

Mã khách hàng (Customer's Code): PB20050053164

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 2 năm 2024 từ ngày 01/02/2024 đến ngày 29/02/2024	kWh	72.400	-	135.544.300
	(kèm theo bảng kê số 1359926922 ngày 01 tháng 03 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					135.544.300
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			10.843.544
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			146.387.844
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm bốn mươi sáu triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn tám trăm bốn mươi bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẬU GIANG
Ngày ký: 01/03/2024 14:39:28



CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẬU GIANG

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-035

Địa chỉ (Address): Số 81 đường Võ Văn Kiệt, khu vực 2, Phường V, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006 - 19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện lực Châu Thành - Số TK: 7004201000616 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 01 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TCE

Số (No): 29980

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công Ty TNHH MỘT THÀNH VIÊN T-THAI

Mã số thuế (Tax code): 6300313188

Địa chỉ (Address): Phú Nghĩa, Phú Hữu, Châu Thành, Hậu Giang

Mã khách hàng (Customer's Code): PB20050053164

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 12 năm 2023 từ ngày 01/12/2023 đến ngày 31/12/2023	kWh	87.500	-	161.689.100
	(kèm theo bảng kê số 1333054320 ngày 03 tháng 01 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					161.689.100
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			12.935.128
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			174.624.228
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm bảy mươi bốn triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm hai mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẬU GIANG
Ngày ký: 03/01/2024 07:58:40



CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC HẬU GIANG
Số 46A, Đường Ngô Quốc Trị, KV3, Phường V, TP. Vị Thanh, T. Hậu Giang, VN
MST: 6300356590

HÓA ĐƠN TIỀN NƯỚC

Ký hiệu: **1K24TCN**
Số: **00060914**

Ngày 02 tháng 01 năm 2024

TÊN KHÁCH HÀNG ĐỊA CHỈ	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN T-THAI ẤP PHÚ NGHĨA, XÃ PHÚ HỮU, HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG					MÃ KHÁCH HÀNG (IDKH)
						75341
						SỐ DANH BỘ
						45200006
MST	6300313188					
SỐ PHIẾU	KỲ HÓA ĐƠN		CHỈ SỐ ĐH		TỔNG M ³ TIÊU THỤ	NHÓM KHÁCH HÀNG
	KỲ	NĂM	CŨ	MỚI		
3.549	01	2024	7206	7574	368	SX
MỨC TIÊU THỤ (m ³)		ĐƠN GIÁ (đ)		THÀNH TIỀN (đ)		
368 SX		10.700		3.937.600		
CỘNG TIỀN NƯỚC TRƯỚC THUẾ (đ)				3.937.600		
TIỀN THUẾ GTGT (5%)				196.880		
PHÍ BVMT VỀ NƯỚC THẢI (0 %)				0		
TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN (đ)				4.134.480		
SỐ TIỀN BẰNG CHỮ	Bốn triệu một trăm ba mươi bốn nghìn bốn trăm tám mươi đồng				Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC HẬU GIANG Ký ngày: 02/01/2024 17:27:19	

Đơn vị cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Trung tâm kinh doanh VNPT-Hậu Giang, MST:0106869738-055, Điện thoại:02933573567

Trà cứu hóa đơn tại website: capnuochaugiang.vn



CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC HẬU GIANG
Số 46A, Đường Ngô Quốc Trị, KV3, Phường V, TP. Vị Thanh, T. Hậu Giang, VN
MST: 6300356590

HÓA ĐƠN TIỀN NƯỚC

Ký hiệu: **1K24TCN**
Số: **00127715**

Ngày 02 tháng 02 năm 2024

TÊN KHÁCH HÀNG ĐỊA CHỈ	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN T-THAI ẤP PHÚ NGHĨA, XÃ PHÚ HỮU, HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG					MÃ KHÁCH HÀNG (IDKH)
						75341
						SỐ DANH BỘ
						45200006
MST	6300313188					
SỐ PHIẾU	KỲ HÓA ĐƠN		CHỈ SỐ ĐH		TỔNG M ³ TIÊU THỤ	NHÓM KHÁCH HÀNG
	KỲ	NĂM	CŨ	MỚI		
3.542	02	2024	7574	8050	476	SX
MỨC TIÊU THỤ (m ³)		ĐƠN GIÁ (đ)		THÀNH TIỀN (đ)		
476 SX		10.700		5.093.200		
CỘNG TIỀN NƯỚC TRƯỚC THUẾ (đ)				5.093.200		
TIỀN THUẾ GTGT (5%)				254.660		
PHÍ BVMT VỀ NƯỚC THẢI (0 %)				0		
TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN (đ)				5.347.860		
SỐ TIỀN BẰNG CHỮ	Năm triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn tám trăm sáu mươi đồng				Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC HẬU GIANG Ký ngày: 02/02/2024 17:20:50	

Đơn vị cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Trung tâm kinh doanh VNPT-Hậu Giang, MST:0106869738-055, Điện thoại:02933573567

Tra cứu hóa đơn tại website: capnuochaugiang.vn



CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC HẬU GIANG
Số 46A, Đường Ngô Quốc Trị, KV3, Phường V, TP. Vị Thanh, T. Hậu Giang, VN
MST: 6300356590

HÓA ĐƠN TIỀN NƯỚC

Ký hiệu: **1K24TCN**
Số: **00200544**

Ngày 05 tháng 03 năm 2024

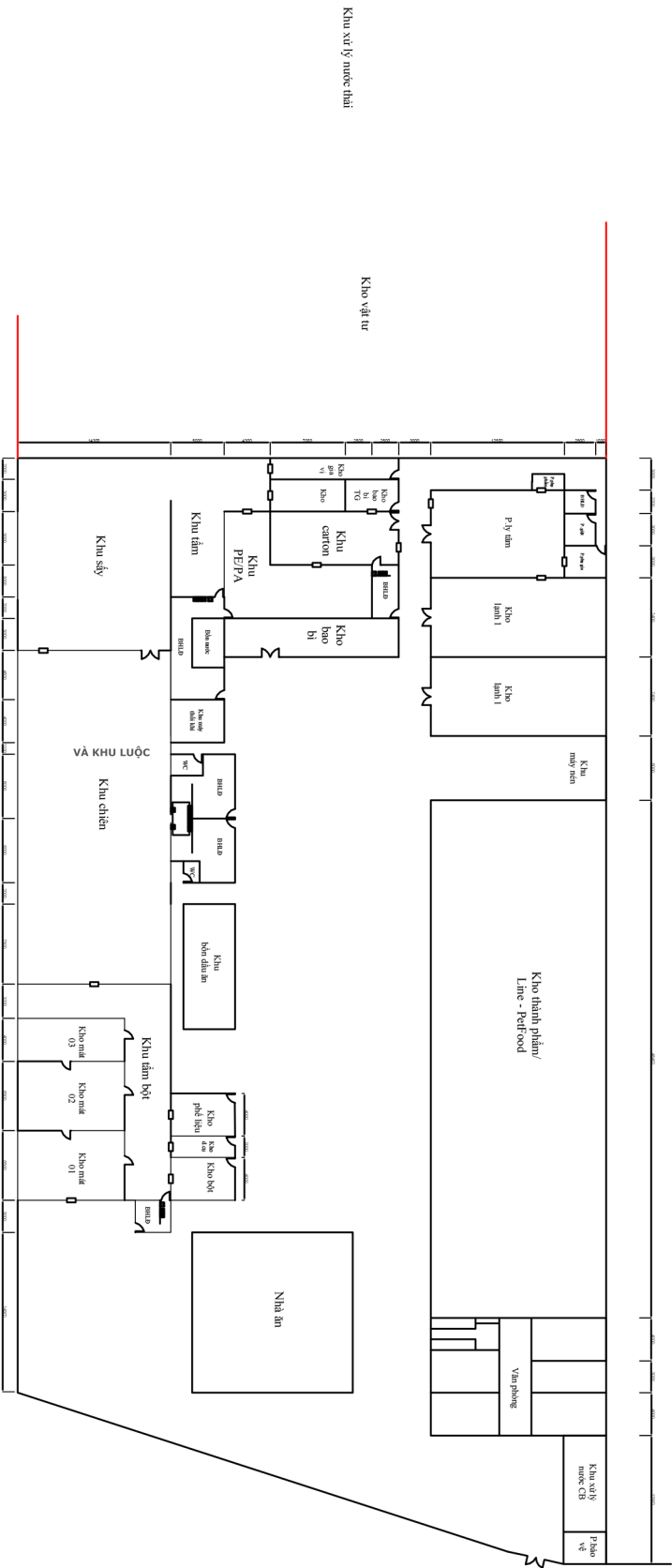
TÊN KHÁCH HÀNG ĐỊA CHỈ	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN T-THAI ẤP PHÚ NGHĨA, XÃ PHÚ HỮU, HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG					MÃ KHÁCH HÀNG (IDKH)
						75341
						SỐ DANH BỘ
						45200006
MST	6300313188					
SỐ PHIẾU	KỲ HÓA ĐƠN		CHỈ SỐ ĐH		TỔNG M ³ TIÊU THỤ	NHÓM KHÁCH HÀNG
	KỲ	NĂM	CŨ	MỚI		
3.568	03	2024	8050	8466	416	SX
MỨC TIÊU THỤ (m ³)		ĐƠN GIÁ (đ)		THÀNH TIỀN (đ)		
416 SX		10.700		4.451.200		
CỘNG TIỀN NƯỚC TRƯỚC THUẾ (đ)				4.451.200		
TIỀN THUẾ GTGT (5%)				222.560		
PHÍ BVMT VỀ NƯỚC THẢI (0 %)				0		
TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN (đ)				4.673.760		
SỐ TIỀN BẰNG CHỮ	Bốn triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm sáu mươi đồng					Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC HẬU GIANG Ký ngày: 05/03/2024 00:12:56

Đơn vị cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Trung tâm kinh doanh VNPT-Hậu Giang, MST:0106869738-055, Điện thoại:02933573567

Tra cứu hóa đơn tại website: capnuochaugiang.vn

Địa chỉ: Ấp Phú Nghĩa, xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

Địa chỉ: Ấp Phú Nghĩa, xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang





Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 23.6405

1. Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MTV T – THÁI
– CƠ SỞ CHẾ BIẾN DA CÁ CHIÊN T- THÁI

Địa chỉ: Ấp Phú Nghĩa, xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, Hậu Giang

2. Phân loại mẫu : Nước thải
3. Ký hiệu mẫu : NT - Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải
4. Ngày nhận mẫu : 22/06/2023
5. Ngày trả kết quả: 29/06/2023

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,15	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	31	TCVN 6001-1:2008
3	COD	mg/l	68	SMEWW 5220C: 2017
4	TSS	mg/l	34	TCVN 6625:2000
5	N - NH ₄ ⁺	mg/l	12,1	TCVN 5988:1995
6	Tổng Nito	mg/l	22,7	TCVN 6638:2000
7	Tổng Photpho	mg/l	3,7	SMEWW 4500-P.B&E:2017
8	Clo dư	mg/l	KPH (LOD=0,15)	TCVN 6625-3:2011
9	Coliform	MPN /100ml	4,6 x 10 ³	TCVN 6187-2:1996

KT. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- KPH: Không phát hiện; LOD: giới hạn phát hiện



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com

HÀNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 23.15002

- Tên khách hàng :** CÔNG TY TNHH MTV T – THÁI
 – CƠ SỞ CHẾ BIẾN DA CÁ CHIÊN T- THÁI
 Địa chỉ: Ấp Phú Nghĩa, xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, Hậu Giang
- Phân loại mẫu :** Nước thải
- Ký hiệu mẫu :** NT - Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải
- Ngày nhận mẫu :** 01/12/2023
- Ngày trả kết quả:** 09/12/2023

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,19	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	34	TCVN 6001-1:2008
3	COD	mg/l	72	SMEWW 5220C: 2017
4	TSS	mg/l	36	TCVN 6625:2000
5	N - NH ₄ ⁺	mg/l	12,8	TCVN 5988:1995
6	Tổng Nito	mg/l	21,4	TCVN 6638:2000
7	Tổng Photpho	mg/l	3,9	SMEWW 4500-P.B&E:2017
8	Clo dư	mg/l	KPH (LOD=0,15)	TCVN 6625-3:2011
9	Coliform	MPN /100ml	3,9 x 10 ³	TCVN 6187-2:1996

KT. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

ú :

Kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
 ng được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
 gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
 : Không phát hiện: LOD: giới hạn phát hiện

